

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-3-2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Triền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thành Công.

Ông Phạm Văn Luốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Minh Vũ - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Triệu Văn Đ - Sinh năm 1976 - Địa chỉ: Ấp A 2, xã Đ, huyện M, tỉnh B. (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Bảo X - Sinh năm 1976 - Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2023, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Phạm Thị Siêu trình bày: Ông và bà Triệu Văn Đ cưới nhau vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn ngày 22/11/1999 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông và bà X ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Về hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Bảo X.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Triệu Yên N, sinh ngày 13/9/2000 và Triệu Y L, sinh ngày 02/7/2013, hiện hai con chung đang sống với bà X. Khi ly hôn, cháu N đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu L ông Đ yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ nhận xét: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với đương sự, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về nuôi con chung: Xét thấy, cháu L hiện đang sống với bà X ổn định nên giao cháu L cho bà X tiếp tục nuôi dưỡng.

Nguyên đơn ông Triệu Văn Đ vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Bảo X vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Triệu Văn Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Bảo X có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại khu phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bà Nguyễn Bảo X được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án số 225/TB-TLVA ngày 31/10/2023, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải các số 225/TB-TA ngày 31/10/2023 và số 240/TB-TA ngày 07/12/2023 nhưng bà X không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của bà, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của ông Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà X không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa vì ông đã không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn ông Triệu Văn Đ vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Bảo X vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét đơn khởi kiện của ông Đ theo khoản 1 và

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Ông Đ và bà X chung sống có đăng ký kết hôn ngày 22/11/1999 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà X là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của ông Đ, Hội đồng xét xử nhận định: Ông Đ và bà X đều không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình về nguyên nhân mâu thuẫn, tuy nhiên xét vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn từ năm 2018, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn giữa ông Đ và bà X đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tự mỗi người lo cho bản thân, quan hệ vợ chồng chấm dứt từ khi ly thân (từ năm 2021) cho đến nay. Do đó, việc ông Đ yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về nuôi con chung: Xét ông Đ và bà X có 02 con chung tên Triệu Yên N, sinh ngày 13/9/2000 và Triệu Y L, sinh ngày 02/7/2013, hiện hai con chung đang sống với bà X. Ông Đ và bà X không cung cấp văn bản về việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Đối với Triệu Yên N đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết. Ông Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Triệu Y L. Xét thấy, cháu Triệu Y L không có văn bản trình bày nguyện vọng của cháu. Vì bà X từ chối, không chấp nhận cho cháu trình bày nguyện vọng của mình và không đồng ý để Tòa án lấy lời khai của cháu. Xét thấy, cháu L đang sống chung với bà X, do bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi bà và ông Đ sống ly thân cho đến nay. Vì vậy, giao con chung Triệu Y L cho bà Nguyễn Bảo X trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Xét việc ông Đ không có yêu cầu cấp dưỡng và bà X không có văn bản trình bày ý kiến về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông Đ trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp, sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: Ông Đ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Triệu Văn Đ về việc yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Bảo X.

1. Về hôn nhân: Ông Triệu Văn Đ được ly hôn với bà Nguyễn Bảo X.

2. Về nuôi con chung: Đối với Triệu Yến N, sinh ngày 13/9/2000, hiện đang sống chung với bà X, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

Giao con chung tên Triệu Y L, sinh ngày 02/7/2013, hiện hai con chung đang sống với bà X cho bà Nguyễn Bảo X trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Triệu Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đ được quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà X và ông Đ có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Triệu Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0002322 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Ông Đ đã nộp đủ tiền án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đông Thành (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Triển